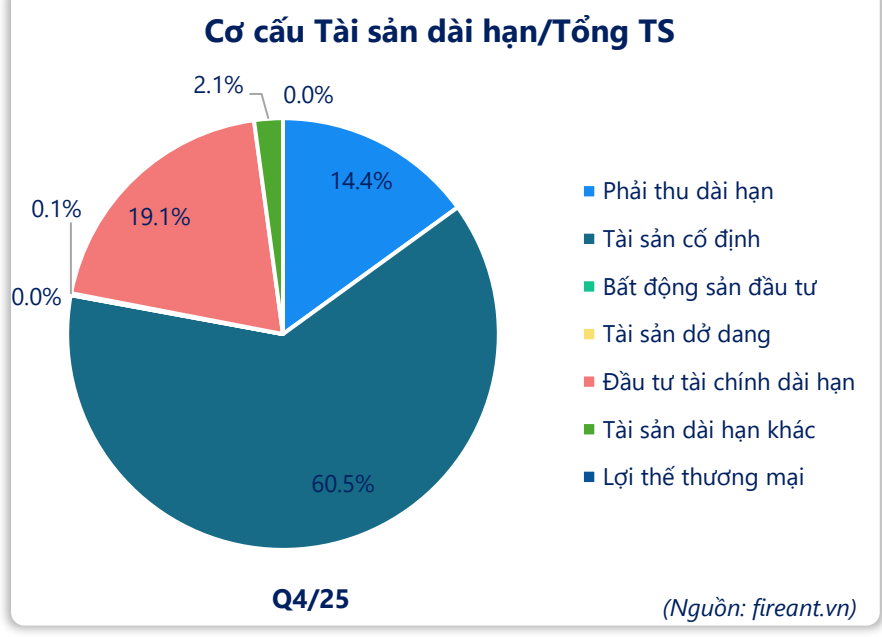
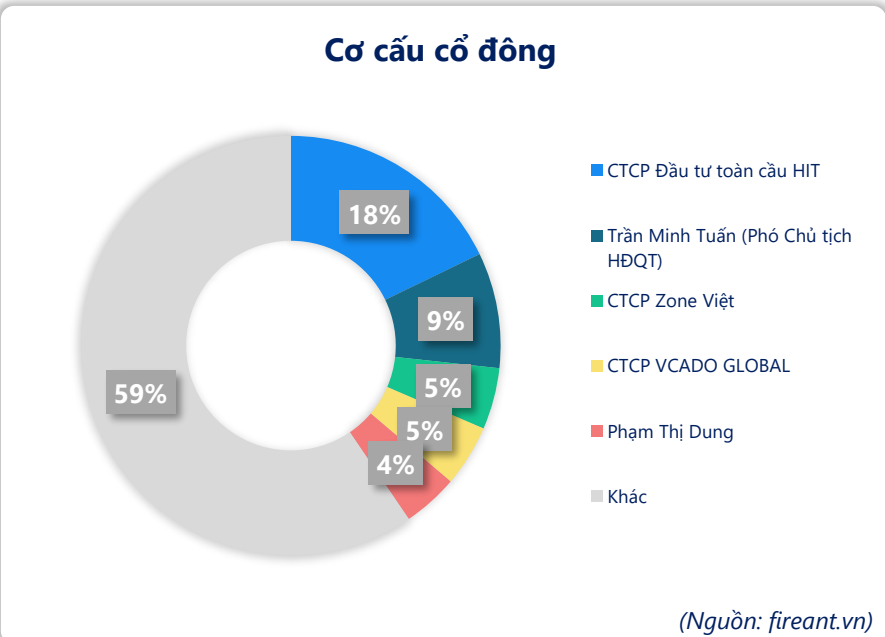
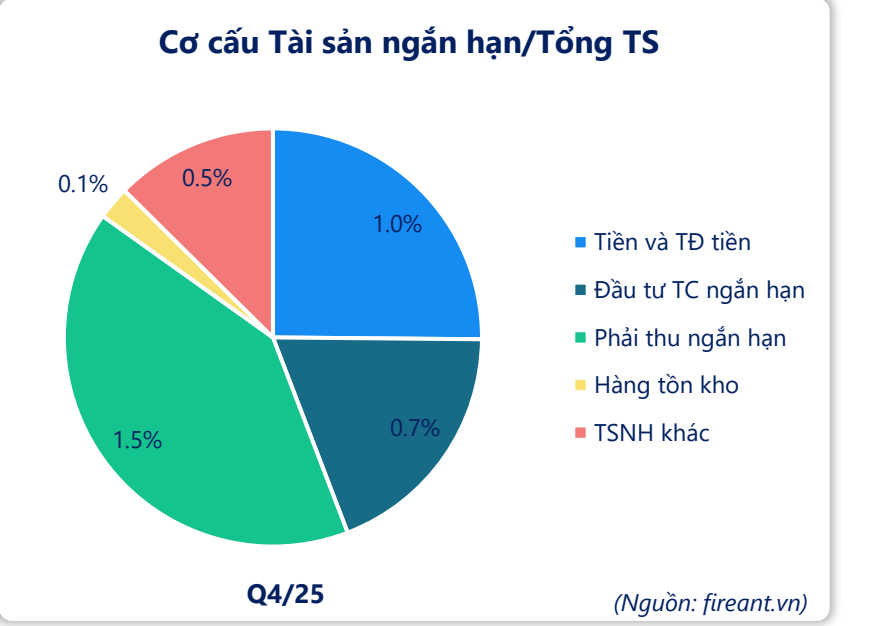
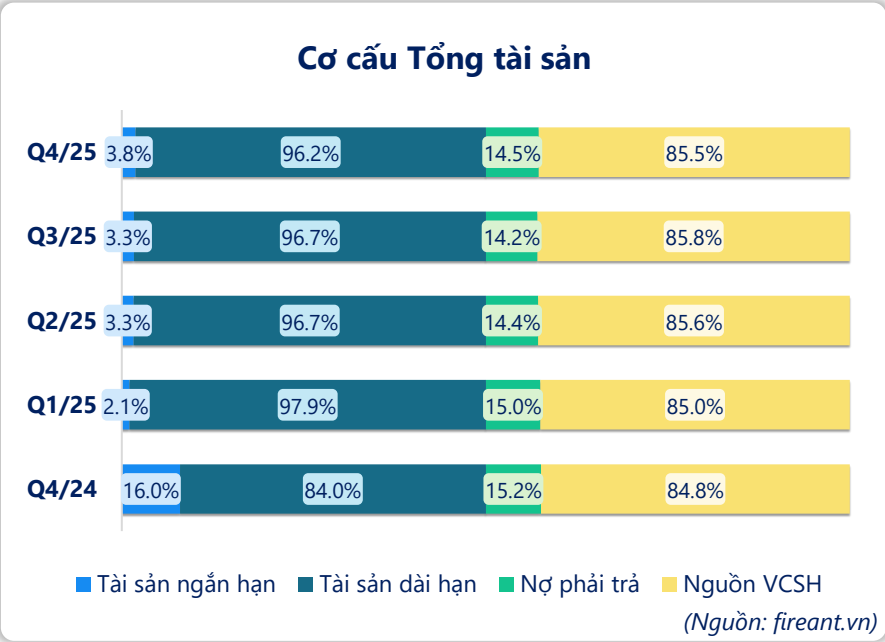
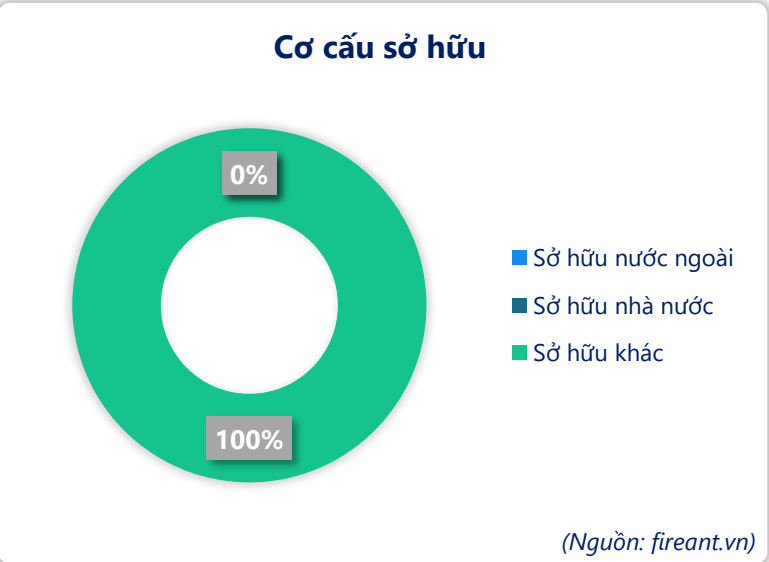
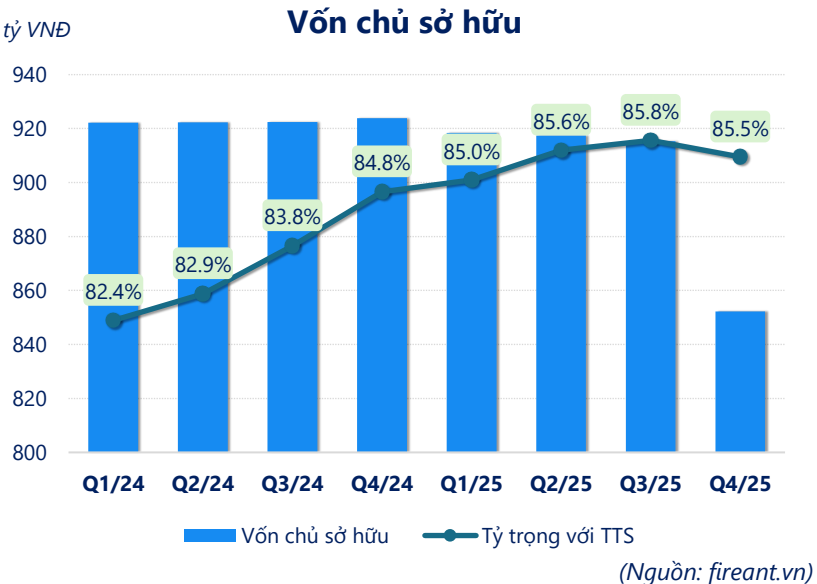
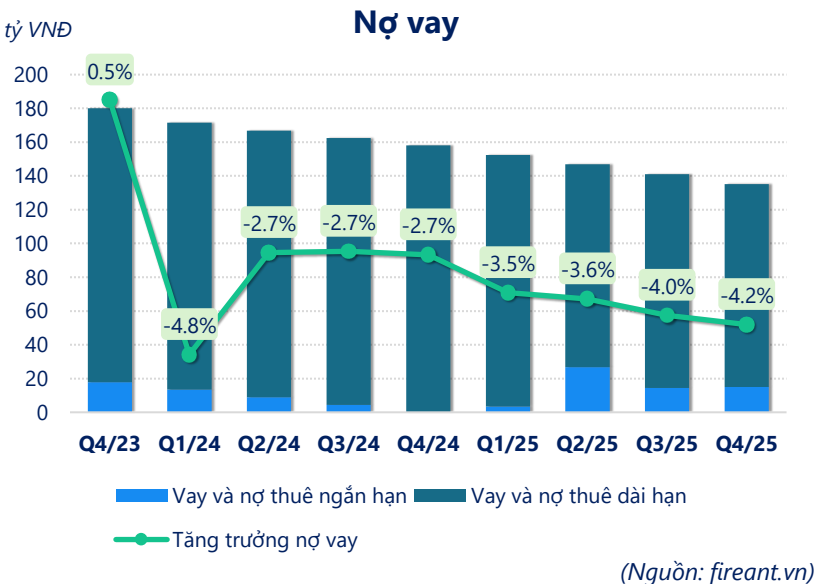
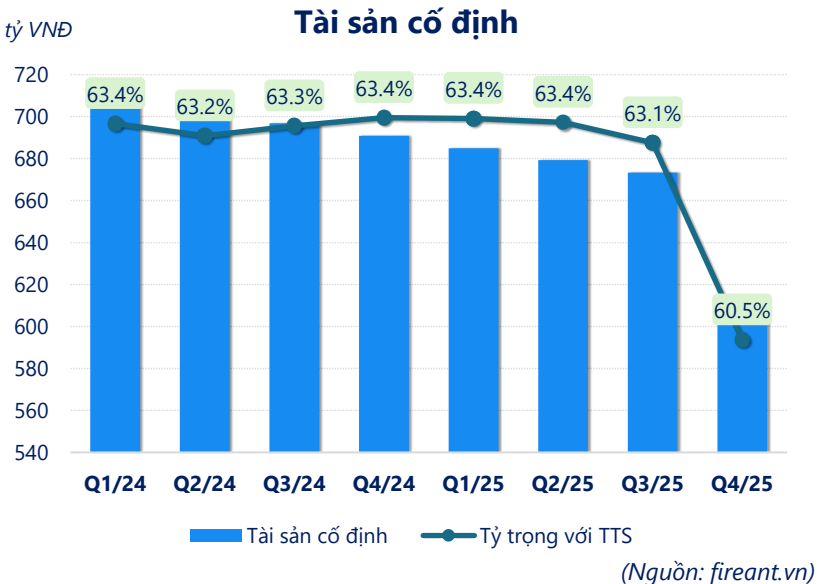
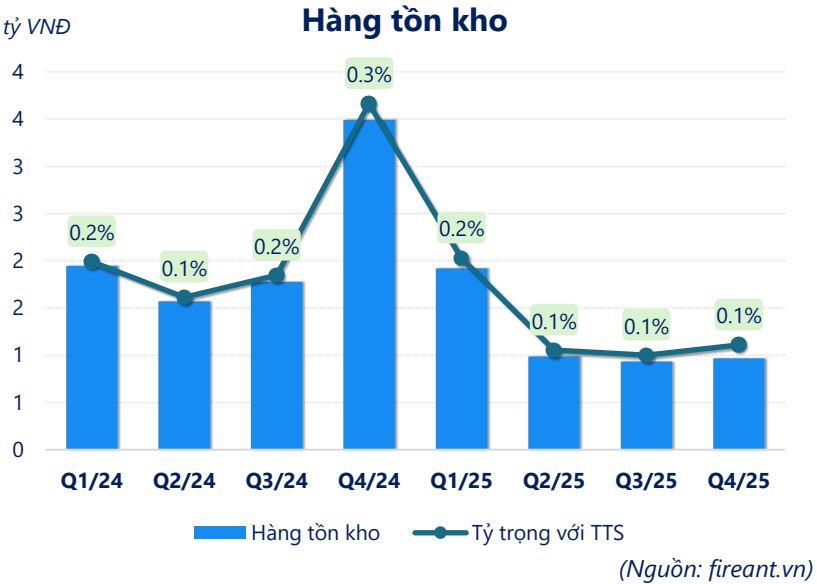
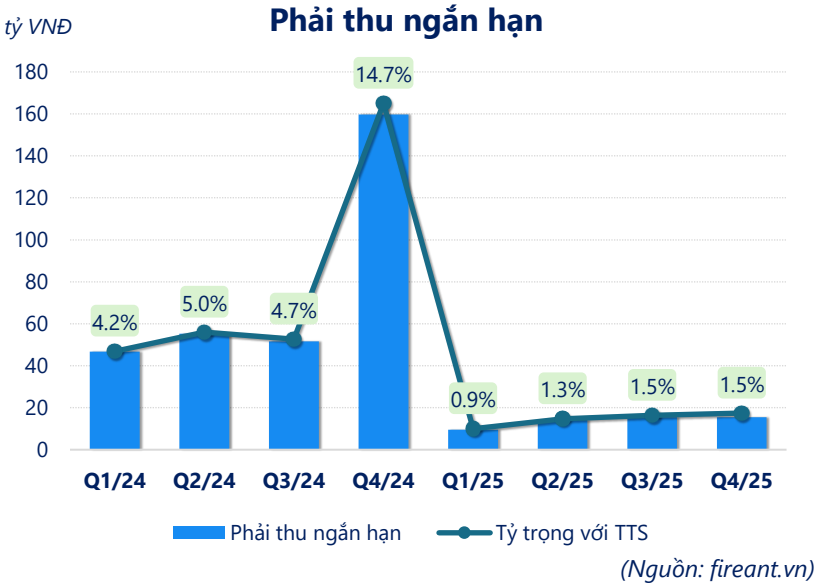
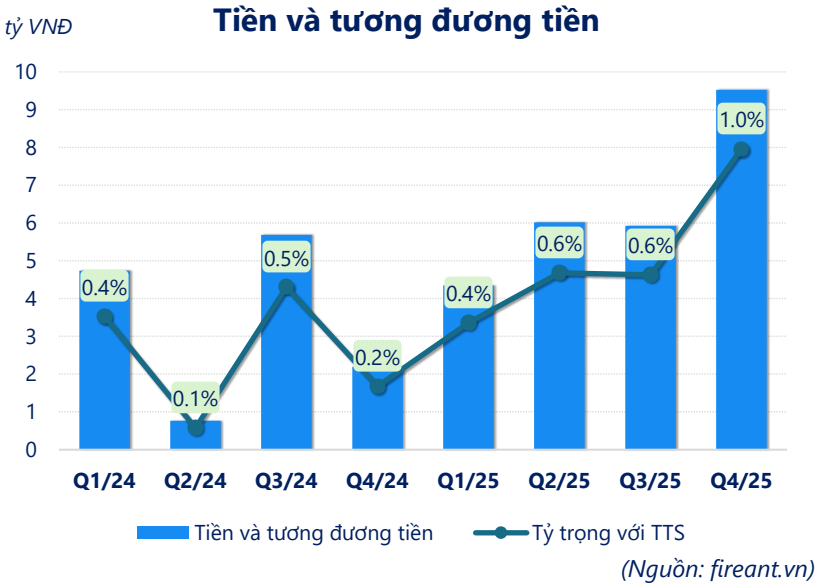
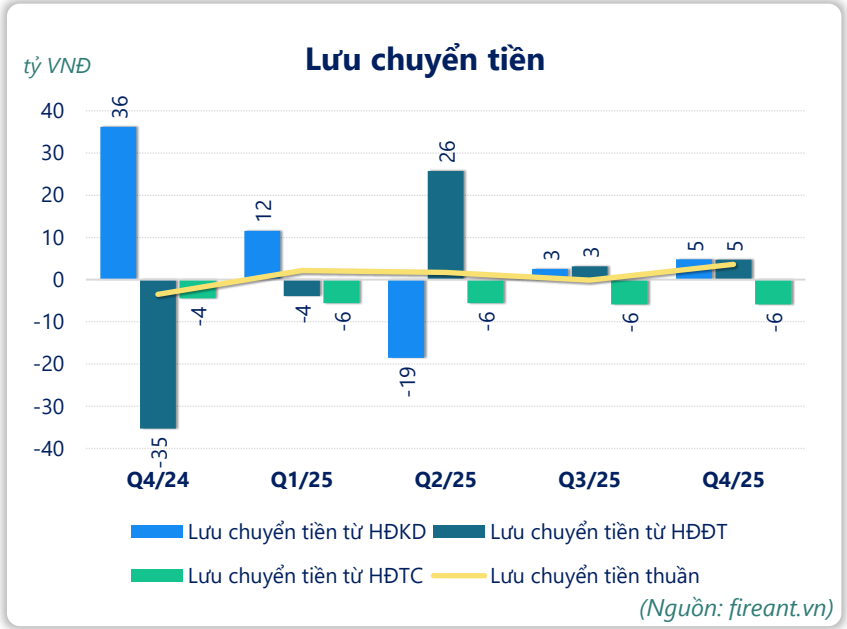
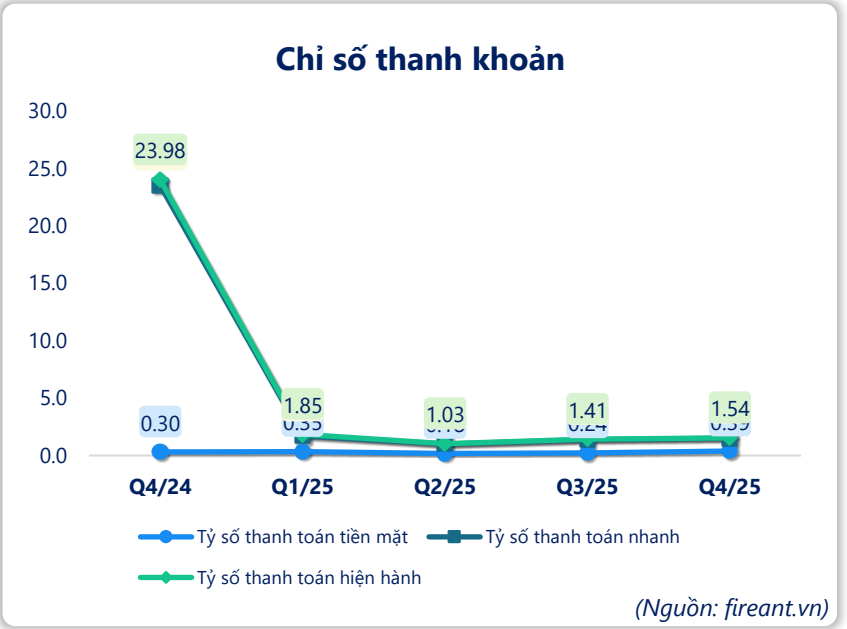
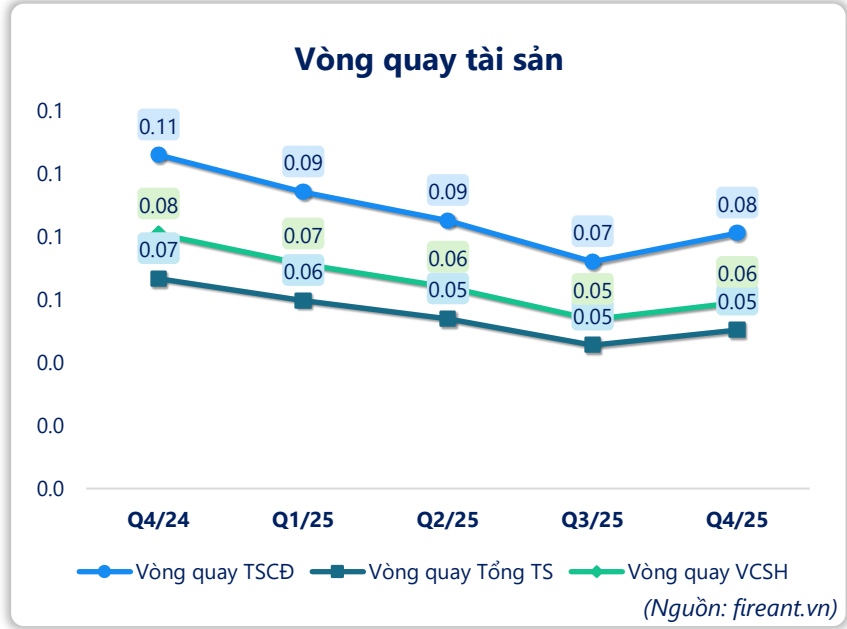
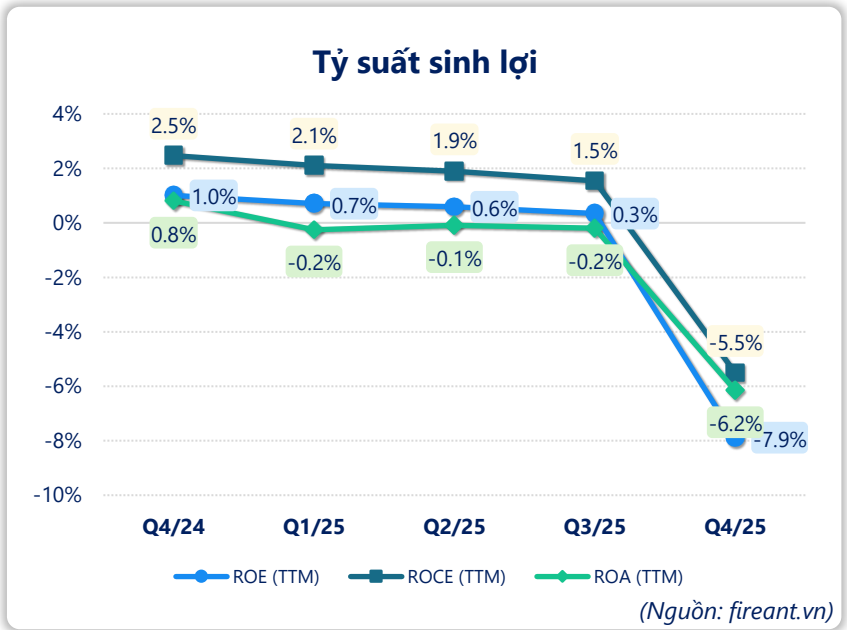
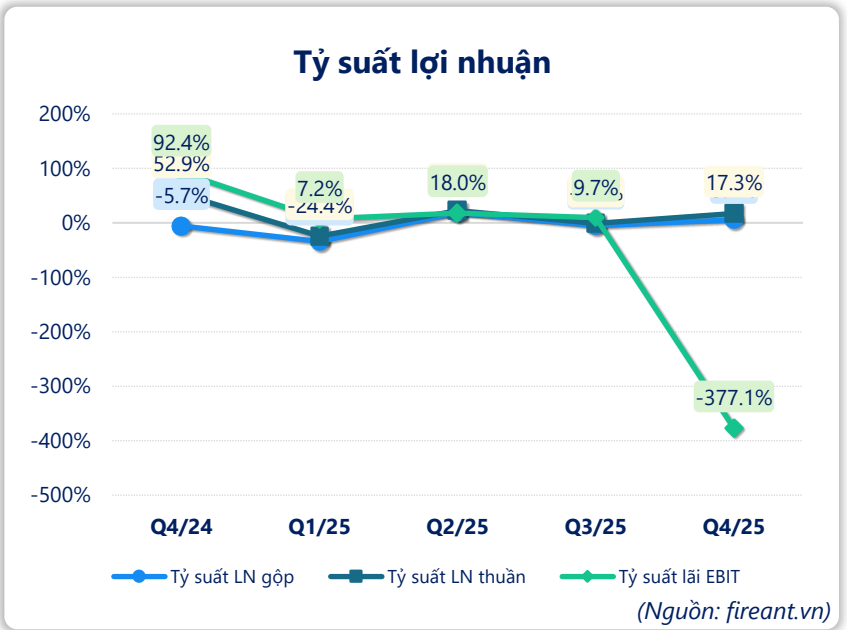
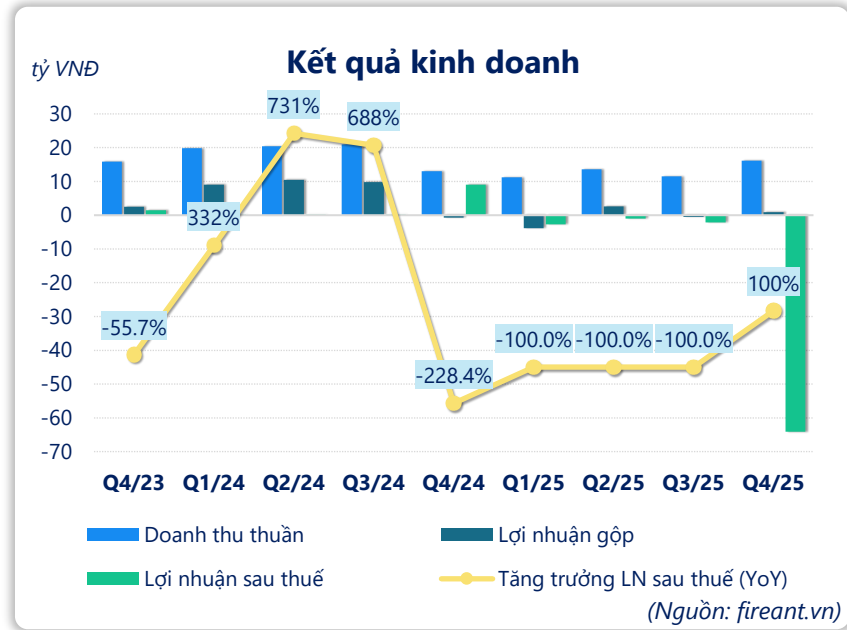


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,370
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,800
SL cổ phiếu LH		84,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		125,805
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		312
P/E		-4.4
EPS		-832

	YTD	1T	3T	6T
DAH	1.9%	-2.6%	-6.3%	10.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	997	1,088	-8.3%
Tài sản ngắn hạn	37.9	19.7	92.7%
Tiền và tương đương tiền	9.52	2.19	334%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.21	0	
Phải thu ngắn hạn	15.4	6.06	154%
Hàng tồn kho	0.97	3.49	-72.3%
Tài sản ngắn hạn khác	4.77	7.91	-39.7%
Tài sản dài hạn	959	1,068	-10.2%
Phải thu dài hạn	144	156	-7.7%
Tài sản cố định	603	691	-12.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.38	0.35	298%
Đầu tư tài chính dài hạn	190	190	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	20.6	30.5	-32.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	145	166	-12.9%
Nợ ngắn hạn	24.5	17.1	43.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.9	8.94	66.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.71	0.74	264%
Nợ dài hạn	120	149	-19.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	120	149	-19.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	852	921	-7.5%
Vốn chủ sở hữu	852	921	-7.5%
Vốn điều lệ	842	842	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	13.0	11.3	13.6	11.5	16.2
Giá vốn hàng bán	13.8	15.1	11.0	12.1	15.3
Lợi nhuận gộp	-0.75	-3.85	2.56	-0.57	0.88
Doanh thu HĐTC	15.9	6.88	6.51	6.51	6.54
Chi phí TC	3.64	3.56	3.41	3.30	3.21
Chi phí lãi vay	3.64	3.56	3.41	3.30	3.21
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.03	0.23	0.51	0.48	0.97
Chi phí QLDN	4.63	1.97	2.12	2.29	0.43
LN thuần từ HĐKD	6.88	-2.74	3.03	-0.12	2.79
Lợi nhuận khác	1.50	0.00	-4.00	-2.06	-66.9
LN trước thuế	8.38	-2.74	-0.97	-2.18	-64.2
Lợi nhuận sau thuế	9.00	-2.74	-0.97	-2.18	-64.2
LNST của CĐ cty mẹ	9.00	-2.74	-0.97	-2.18	-64.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.2	11.6	-18.5	2.56	4.79
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-35.3	-3.87	25.7	3.18	4.72
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.44	-5.56	-5.56	-5.86	-5.90
Tiền đầu kỳ	5.68	2.19	4.35	6.02	5.90
Lưu chuyển tiền thuần	-3.49	2.16	1.67	-0.11	3.62
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.19	4.35	6.02	5.90	9.52

(Nguồn: fireant.vn)